TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2026
Về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Nhung và ông Phan Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 579/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1989; thường trú: Ấp P, xã V, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số A, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1985; thường trú: Ấp P, xã V, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Lê Văn N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2025, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lê Văn N oHoo sau thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng thì tự nguyện về sống chung với nhau. Đến năm 2012 bà D và ông N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Bạc Liêu (nay là Xã V, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2012, ngày 25/4/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại số B, khu

phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên cãi vã, khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thay đổi được. Hai vợ chồng đã ly thân khoảng 11 tháng và bà D dọn ra ở riêng. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Lê Văn N oHoo.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Lê Minh N1 sinh ngày 09/9/2012 và Lê Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/3/2010. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Minh K và không yêu cầu ông Lê Văn N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Nguyễn Minh K, giao 01 con chung là Lê Minh N1 cho ông Lê Văn N oHoo trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Lê Minh N1.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Biên bản xác minh ngày 24/11/2025 tại địa phương thể hiện không nhận được đơn yêu cầu hòa giải cơ sở về quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông N. Đồng thời cũng không nhận được phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung của hai ông bà nên không rõ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con quy

định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có đăng ký tạm trú và sinh sống tại số B, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lê Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau) theo giấy giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2012, ngày 25/4/2012 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẻ, đồng cảm với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn N. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập ông Lê Văn N để làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Ngọc D không còn, cả hai đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc ông Lê Văn N bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn Thị Ngọc D cho thấy tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lê Văn N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn của Nguyễn Thị Ngọc D.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Minh N1 sinh ngày 09/9/2012 và Lê Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/3/2010. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên nên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình tố tụng cháu Lê Minh N1 có nguyện vọng ở với ông Lê Văn N và cháu Lê Nguyễn Minh K có nguyện vọng ở với mẹ Nguyễn Thị Ngọc D, nguyện vọng các con là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc giao con chung Lê Minh N1 cho ông Lê Văn N được chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lê Nguyễn Minh K cho bà Nguyễn Thị Ngọc D được chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông, bà không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D đối với ông Lê Văn N về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Lê Văn N (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau), cấp ngày 25/4/2012).

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/3/2010 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Minh N1 sinh ngày 09/9/2012 cho ông Lê Văn N oHoo trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông N, bà D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Lê Văn N có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0029074 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA